UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ VIỆT KHÊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1695 /QĐ-UBND	*Việt Khê, ngày* 28 *tháng* 10 *năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông, núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ VIỆT KHÊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024 và Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo dỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03/09/2026 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh

vực đất đai theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn của một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 196/2025/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/2/2026 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/2/2026 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của UBND xã VIệt Khê về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liếu san lấp tại khu vực phía Đông núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng vè việc thông điều chỉnh, bổ sung Danh mục các dự án, công trình phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của HĐND thành phố về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê;

Căn cứ giấy phép số 654/GP-UBND ngày 13/2/2026 của UBND thành phố Hải Phòng cho phép Công ty cổ phần Cơ khí và Xây dựng Thuận Thiên được khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông núi Niêm Sơn Nội thuộc địa bàn Việt Khê, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai và trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Trên cơ sở kết quả kiểm kê và các tài liệu do phòng Kinh tế cung cấp. Căn cứ thông báo số từ 229-373/TH-UBND ngày 14/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Việt Khê về thu hồi đất để bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê;

Căn cứ Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của Ủy ban

nhân dân xã Việt Khê về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông, núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 301/TTr-KT ngày 27/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực phía Đông núi Niêm Sơn Nội, xã Việt Khê, cụ thể như sau:

1.1. Tổng số hộ được bồi thường, hỗ trợ**:** **32 hộ.**

1.2. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất, cây cối hoa màu, vật kiến trúc thuộc chỉ giới thu hồi và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án là: **2.594.763.523 đồng.**

(Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm chín mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi ba đồng)

Trong đó:

- Kinh phí bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân: **2.519.188.523 đồng.**
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: **75.575.000 đồng.**

(Có Danh sách tổng hợp chi tiết ban hành kèm theo)

1.3. Phương án điều chỉnh, bổ sung chi tiết đối với 32 hộ dân *(Có phương án chi tiết của các hộ dân kèm theo)*.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan.

1. Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày Quyết định này được ban hành, Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Thuận Thiên có trách nhiệm:

- Chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng vào tài khoản số **3743.0.1171172.00000** của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Việt Khê tại Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng giao dịch số 2: **2.519.188.523 đồng.**
- Chuyển kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư vào tài khoản số **3742.0.1171172.00000** của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Việt Khê tại Kho bạc Nhà nước khu vực III – Phòng Giao dịch số 2: **75.575.000 đồng.**

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Việt Khê phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ.

3. Phòng Kinh tế phối hợp cùng Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Việt Khê phổ biến, niêm yết công khai Quyết định phê duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi Phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

trường hợp hộ dân không nhận Phương án bồi thường, hỗ trợ hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản.

4. Các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện thu hồi đất thực hiện Dự án có trách nhiệm nhận tiền và bàn giao đất trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân; Trưởng phòng Kinh tế; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Việt Khê; Giám đốc công ty cổ phần Cơ khí và Xây dựng Thuận Thiên, Giám đốc Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công; Thủ trưởng các cơ quan và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT Phạm Văn Kim;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VIỆT KHÊ TP HẢI PHÒNG

Nguyễn Cảnh Long

DANH SÁCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1695 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Việt Khê)

STT	Họ và tên	Địa chỉ (thôn)	Số thửa (theo TDĐC)	Tờ bản đồ	Diện tích đất thu hồi (m2)	Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Luyện	Niêm Nội 1	190	1	753,0	41.110.000	
2	Nguyễn Văn Tuyến	Niêm Nội 1	191	1	893.7	177.392.000	
3	Nguyễn Đình Công	Niêm Nội 1	192	1	993.8	177.461.560	
4	Nguyễn Văn Thức	Niêm Nội 1	89	1	1.830,0	218.271.710	
5	Nguyễn Văn Vượng	Niêm Nội 1	155	1	1.359,9	181.620.712	
6	Hộ ông Nguyễn Văn Hãnh	Niêm Nội 2	75	1	4.259,3	575.425.953	
7	Vũ Thị Bể (Hải)	Niêm Nội 1	199,202	1	1.448,6	7.281.102	
8	Hộ ông Nguyễn Văn Luyện (vợ Vũ Thị Lan)	Niêm Nội 1	92, 88	1	18.913,3	260.684.624	
9	Đỗ Văn Thông (Đỗ Văn Thái sử dụng)	Niêm Nội 2	72, 234	1	1.836,9	7.172.550	
10	Nguyễn Văn Thịch, Đỗ Văn Hôm	Niêm Nội 1	96	1	7.387,2	199.714.933	
11	Hộ ông Nguyễn Văn Độ (Tờ)	Niêm Nội 1	93, 138	1	9.918,8	20.631.759	

12	Bùi Thị Bướm	Niêm Nội 1	189	1	1.872,5	1.992.000	
13	Nguyễn Văn Sỹ	Niêm Nội 2	21, 22	1	1.135,3	10.459.139	
14	Hộ ông Nguyễn Văn Thu (Vũ Thị Thiện)	Niêm Nội 2	23, 73	1	5.682,8	51.042.159	
15	Đỗ Văn Là	Niêm Nội 2	236, 81, 70	1	7.449,5	46.802.940	
16	Hộ ông Nguyễn Văn Ngơi	Niêm Nội 2	30, 71, 237	1	9.634,8	67.148.264	
17	Hộ ông Đỗ Văn Thu	Niêm Nội 1	160, 86	1	3.827,7	31.988.246	
18	Đỗ Văn Thế	Niêm Nội 2	69, 87, 188	1	5.778,9	9.229.039	
19	Hộ ông Nguyễn Văn Hưu	Niêm Nội 2	76	1	4.547,2	9.240.137	
20	Nguyễn Văn Chuyền	Niêm Nội 2	54	1	3.987,2	10.508.375	
21	Hộ ông Nguyễn Văn Hy	Niêm Nội 2	31, 41, 60, 65	1	7.098,0	75.273.008	
22	Hộ ông Nguyễn Văn Vinh	Niêm Nội 2	62	1	2.383,1	45.232.000	
23	Nguyễn Văn Đức (Lộc)	Niêm Nội 1	232	1	907,9	8.217.680	
24	Hoàng Văn Cương	Niêm Nội 2	95, 299	1	2.823,1	16.806.998	
25	Nguyễn Văn Hải	Niêm Nội 2	83	1	1.832,5	103.456.861	
26	Nguyễn Văn Minh (Định)	Niêm Nội 2	222	1	576,8	15.724.661	
27	Nguyễn Thị Khai	Niêm Nội 1	215	1	1.244,7	8.211.500	
28	Nguyễn Văn Dương	Niêm Nội 2	57, 97	1	8.126,6	69.535.785	

29	Hộ ông Nguyễn Văn Vạn (Hiền)	Niêm Nội 2	98, 204, 205, 207	1	1.334,3	37.332.000	
30	Hộ ông Nguyễn Văn Khoa	Niêm Nội 2	61	1	3.378,4	25.265.760	
31	Nguyễn Như Thịch	Niêm Nội 1	212,216	1	307,1	4.269.000	
32	Đỗ Văn Viên	Niêm Nội 1	82	1	626,8	4.686.066	
	Tổng cộng				**122.262**	**2.519.188.523**	
A	**Kinh phí bồi thường, hỗ trợ chi trả trực tiếp cho các hộ dân:**					**2.519.188.523**	
B	**Kinh phí hành chính thực hiện công tác giải phóng mặt bằng:**					**75.575.000**	
C	**Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và kinh phí hành chính thực hiện công tác giải phóng mặt bằng: (A+B)**					**2.594.763.523**	